

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày 29/7/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giáp Hồng Thanh;

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: phố B, thị trấn Nh, huyện TY, Bắc Giang.

- Bị

đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã A, huyện TY, Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Lương T, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: phố B, thị trấn Nh, huyện TY, Bắc Giang.

(Ông T do Bà Lê Thị L đại diện theo ủy quyền).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã A, huyện TY, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Bà Lê Thị L trình bày:

Bà với Bà Lê Thị H có mối quan hệ quen biết, vào ngày 06/6/2019 (dương lịch) bà có cho Bà Lê Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay làm kinh tế gia đình, thời hạn vay đến ngày 16/6/2019 phải trả tiền không thỏa thuận lãi suất, có lập giấy biên nhận vay tiền do bà Ng viết hộ và ký với tư cách người chứng kiến. Khi vay bà H có tự nguyện đưa cho bà 01 giấy hẹn của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hẹn ngày đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01131/QSDĐ 246QĐ ngày 02/11/1999

do UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cấp tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, Bắc Giang, do Bà Lê Thị H đứng tên chủ sử dụng và bản phôi tô bìa đỏ của bà H. Bà H đưa cho bà chỉ đưa tay cho nhau chứ không có văn bản giấy tờ gì thể việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nhằm tạo niềm tin cho bà yên tâm vì giữa bà và bà H không lập hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chỉ ghi vào trong giấy biên nhận tiền là tín chấp, hiện tại bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Bà là người trực tiếp đưa số tiền 100.000.000 đồng cho bà H nhận trước sự chứng kiến của Bà Nguyễn Thị Ng tại nhà bà. Bà H nhận tiền, trực tiếp viết các chữ viết và ký ghi họ tên Bà Lê Thị H tại “mục người vay tiền”. Đến hẹn ngày 16/6/2019 bà H không trả tiền cho bà thì đến ngày 19/6/2019 bà là người đưa bà H đi lấy bìa đỏ sau khi được chỉnh lý ở Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất về để bà H sang tên cho bà thừa đất này để bà đứng lên đi vay tiền hộ bà H tại Ngân hàng nông nghiệp số tiền 100.000.000 đồng để bà H có tiền trả cho bà vì lúc đó bà H hết tuổi lao động không làm ăn kinh doanh gì nên ngân hàng không cho vay tiền, do đó tại giấy vay tiền có ghi nội dung là: chỉnh lý tên cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà L vay ngân hàng hộ bà H, khi nào bà H trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng thì bà L trả bìa đỏ cho bà H, tiền lãi ngân hàng do bà H trả. Bà Ng là người viết nội dung của các dòng chữ viết tay sau khi bà và bà H đã thỏa thuận xong. Đến ngày 16/6/2019 bà H không có tiền mặt trả nên các bên thỏa thuận thực hiện theo cam kết như hợp đồng vay giữa các bên vào ngày 06/6/2019. Bà và bà H cùng nhau ra UBND xã để viết giấy tờ sang tên đất cho bà nhưng không biết lý do tại sao bà H lại thay đổi không thực hiện từ đó bà đến đòi tiền nhiều lần bà H không trả.

Bà xác định chỉ cho bà H vay một mã vay tiền duy nhất vào ngày 06/6/2019 dương lịch với số tiền vay là 100.000.000 đồng chứ không có giấy vay tiền nào với số tiền 70.000.000 đồng. Do bà H chưa trả tiền lần nào nên không có việc bà gọi bà H đến chốt nợ như bà H khai. Bà H chỉ thừa nhận có vay của bà số tiền 70.000.000 đồng là không đúng. Sau khi bà H thanh toán đủ cho số tiền gốc 100.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01131/QSĐĐ 246QĐ ngày 02/11/1999 do UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cấp có địa chỉ thửa đất tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, Bắc Giang, do Bà Lê Thị H đứng tên chủ sử dụng cho Bà Lê Thị H.

Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án bị đơn là Bà Lê Thị H trình bày như sau: Vào khoảng tháng 6/2019 bà có vay của bà L số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), mục đích vay là để cho chị Nguyễn Thị Nga (là em dâu bà) vay lại, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 10 ngày, có lập giấy biên nhận vay tiền, tuy nhiên giấy biên nhận vay tiền bà L đang giữ. Khi vay bà có tự nguyện đưa cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị Hào tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, Bắc Giang. Bà có ký tên ở mục người vay tiền tại giấy biên nhận vay tiền nhưng không được nhận tiền mà do bà Ng (em dâu bà) nhận và sử dụng. Kể từ khi vay bà L đến nay bà chưa trả khoản tiền nào cho bà L.

Đối với giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/6/2019 dương lịch là giấy

biên nhận viết sau khi vay tiền khoảng 10 ngày chứ không phải viết tại thời điểm bà vay số tiền 70.000.000 đồng. Đây thực chất là bà L gọi bà đến chốt nợ, bà L cộng cả số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi của 10 ngày (30.000.000 đồng) thành tổng số nợ là 100.000.000 đồng chứ không có việc giao nhận số tiền 100.000.000 đồng như trong giấy biên nhận. Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/6/2019 là do bà L đọc cho bà Ng viết, sau đó bà Ng bảo bà ký, do mắt kém nên không đọc mà tin tưởng bà Ng nên bà đã ký vào giấy biên nhận vay tiền này. Nay bà xác nhận chữ ký và chữ viết tại phần “người vay tiền” trong giấy biên nhận vay tiền ngày 06/6/2019 là chữ ký và chữ viết của bà. Bà thừa nhận có vay của bà L số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý trả bà L số tiền 70.000.000 đồng, bà không đồng ý trả bà L số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền ngày 06/6/2019.

- *Tại các lời khai trong hồ sơ vụ án người làm chứng là Bà Nguyễn Thị Ng trình bày:*

Bà và bà L là chỗ quen biết, còn bà H là chị em dâu. Vào khoảng cuối tháng 5/2019 bà đến nhà bà L để hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên bà L yêu cầu bà phải có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L thì bà L mới cho vay. Vì thế bà đã đến nhà bà H để mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H để vay tiền bà L. Bà H đồng ý và đi cùng bà đến nhà bà L. Bà L đồng ý cho bà vay 70.000.000 đồng và yêu cầu bà H là người đứng tên vay tiền. Bà không nhớ ai là người viết giấy biên nhận vay tiền, nhưng bà khẳng định bà H là người ký vào tên người vay, còn bà ký với tư cách là người làm chứng. Khi vay hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất, chỉ thỏa thuận là vay 10 ngày sau phải trả tiền. Bà là người trực tiếp nhận số tiền 70.000.000 đồng từ bà L, bà H không được nhận số tiền nào. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H do bà L giữ sau khi vay tiền. Khi lập giấy biên nhận vay tiền và giao tiền khoản tiền 70.000.000 đồng chỉ có bà L, bà H và bà có mặt, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Đối với giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/6/2019 dương lịch là giấy biên nhận viết sau khi vay khoản tiền 70.000.000 đồng khoảng 10 ngày. Đây thực chất là bà L gọi bà và bà H đến chốt nợ, bà L cộng cả số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi của 10 ngày (30.000.000 đồng) thành tổng số nợ là 100.000.000 đồng chứ không có việc giao nhận số tiền 100.000.000 đồng như trong giấy biên nhận. Khi lập giấy chốt nợ ngày 06/6/2019 cũng chỉ có mặt bà, bà L, bà H. Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/6/2019 là do bà L đọc cho bà viết hộ bà H, sau đó bà H ký tên người vay, còn bà ký vào mục người chứng kiến.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L khởi kiện bà H có nơi cư trú tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền đã cho

vay. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà, Bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bà H, bà Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt bà L, bà H, bà Ng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn:

- Về tiền gốc: Tại biên bản lấy lời khai của bà H ngày 23/4/2020 bà thừa nhận có vay tiền của bà L với số tiền 70.000.000 đồng, không vay mã vay 100.000.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Tại giấy biên nhận tiền ngày 06/6/2019 dương lịch bà H có ghi thêm nội dung: “Tôi có nhờ thím Nga viết hộ tôi nội dung trên” như vậy bà H đã thừa nhận toàn bộ nội dung giấy vay tiền ngày 06/6/2019 và ký ghi họ tên bà vào “mục người vay tiền” là sự thật. Tại biên bản ghi lời khai của bà Ng ngày 23/4/2020 bà Ng thừa nhận có nhờ bà H đứng ra vay tiền bà L hộ bà Ng, nhưng cả bà H và bà Ng đều không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình. Mặt khác bà L xác định chỉ cho bà H một mã duy nhất với số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 06/6/2019 dương lịch ngoài ra không có mã vay nào khác. Khi lập giấy biên nhận vay tiền này, các bên không bị ép buộc, lừa dối do đó giấy biên nhận tiền ngày 06/6/2019 (dương lịch) được lập giữa các bên có giá trị hiệu lực.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 06/6/2019 (dương lịch). HĐXX nhận định: Ngày 06/6/2019, Bà Lê Thị H vay của Bà Lê Thị L số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay tiền đến ngày 16/6/2019 trả hết. Hai bên lập giấy biên nhận vay tiền do Bà Nguyễn Thị Ng viết và Lê Thị Hào ký ghi họ tên dưới phần người vay tiền, bà Ng ký tên dưới phần người chứng kiến cho vay. Sau khi cho vay bà H chưa trả tiền cho bà L lần nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà H phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ. Khi vay tiền bà H có tự nguyện đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01131/QSDĐ 246QĐ ngày 02/11/1999 do UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cấp có địa chỉ thửa đất tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, Bắc Giang, do Bà Lê Thị H đứng tên chủ sử dụng cho Bà Lê Thị L để bà L giữ làm tin. Do đó cần buộc bà L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H.

- Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và các bản khai Bà Lê Thị L có yêu cầu Bà Lê Thị H trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 06/6/2019 nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2020 bà L tự nguyện xin rút phần yêu cầu về tiền lãi suất. Bà chỉ yêu cầu Bà Lê Thị H trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi nên HĐXX không xem xét về tiền lãi suất.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sự thừa nhận của vợ chồng bà L, ông T thì số tiền 100.000.000 đồng là tiền của vợ chồng bà L. Tại giấy ủy quyền ngày

25/2/2020 ông T đã ủy quyền cho bà L thực hiện quyền đòi tiền của vợ chồng ông. Vợ chồng bà L cho cá nhân bà H vay tiền, không có ai có trách nhiệm liên đới với bà H. Nay, bà L, ông T chỉ yêu cầu cá nhân bà H phải trả nợ, bà H thừa nhận số tiền vay không liên quan đến chồng (đã chết trước khi vay tiền) và các con của bà nên HĐXX buộc bà H phải trả nợ cho bà L, ông T số tiền 100.000.000đồng.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà L được chấp nhận nên Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do Bà Lê Thị H, sinh năm 1959 nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị L đối với Bà Lê Thị H.

Buộc Bà Lê Thị H phải trả cho Bà Lê Thị L, Ông Phạm Lương T số tiền 100.000.000đồng.(Một trăm triệu đồng chẵn).

Bà Lê Thị L phải trả lại cho Bà Lê Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01131/QSDĐ 246QĐ ngày 02/11/1999 do UBND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cấp có địa chỉ thửa đất tại thôn Chợ, xã An Dương, huyện Tân Yên, Bắc Giang, do Bà Lê Thị H đứng tên chủ sử dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Trả lại Bà Lê Thị L 2.700.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006219 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Lê Thị H.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên